

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 10/4/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Quang T, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

HKTT: Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện S, tỉnh BG

Địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Xuân Thủy, xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh BN.

*** Bị đơn:** Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện S, tỉnh BG. Chị H hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H tại Việt Nam: Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện S, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Quang T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau ngày 18/6/2009, việc kết hôn trên cơ sở tình cảm đôi bên, tự do tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Vợ chồng anh đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Quế Tân, huyện Q, tỉnh BN theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Chị H về nhà anh làm dâu, một thời gian sau thì vợ chồng anh chị chuyển lên Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện S sinh sống và làm việc. Khoảng năm 2013, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, còn anh vẫn làm việc tại Sơn Động để chăm con. Ban đầu, vợ chồng anh có liên lạc, có hỏi thăm nhau nhưng sau đó ngày càng ít liên lạc hơn. Hiện nay chị H vẫn ở Đài Loan, không về nước, nay vợ chồng anh đã xa nhau một thời gian dài, bất đồng quan điểm sống và hiện tại không còn tình cảm gì với nhau nữa. Đến tháng 6/2022, anh đã đưa con chung trở về xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh sinh sống đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị H. Về địa chỉ của chị H ở Đài Loan anh không được biết cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được nhưng chị H vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Trần Thị Đĩnh, sinh năm 1960, địa chỉ tại: Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh BG.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 06/01/2010. Hiện nay cháu Hiếu đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Quang Hiếu cho anh nuôi dưỡng và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10 triệu đồng /1 tháng nên có đủ khả năng để chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay do chị H đang ở nước ngoài giấu địa chỉ và vắng mặt tại Tòa án nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

* Bị đơn là chị Hoàng Thị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị H đến nay không nhận được thông tin của chị H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của chị H là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện S, tỉnh BG, bà có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H. Chị H hiện nay đang không có mặt tại địa phương và hiện đang làm ăn ở Đài Loan. Về địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan thì chị H không cho bà biết cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được, tuy nhiên chị H vẫn thường liên lạc với gia đình qua mạng xã hội. Bà đã thông

báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh BG hiện đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn và con chung do anh Trần Quang T làm đơn. Chị H có cho bà biết: Về quan hệ hôn nhân thì do vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị H đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung thì vợ chồng Trung, Hiền có 01 con chung là cháu Trần Quang Hiếu, sinh ngày 06/01/2010. Hiện nay cháu Hiếu vẫn đang ở với bố tại Bắc Ninh. Nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và công nợ thì vợ chồng Trung Hiền không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành làm việc với con chung của anh T, chị H là Trần Quang H, sinh ngày 06/01/2010. Cháu trình bày hiện nay cháu đang ở với bố, hai bố con cháu về xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh sinh sống từ tháng 6/2022. Hiện nay cháu đang học lớp 7B trường THCS Quế Tân, điều kiện sinh sống và học tập của cháu được bố chăm sóc đầy đủ và cháu có nguyện vọng được ở với bố.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang T. Xử:

Cho anh Trần Quang T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Quang Hiếu, sinh ngày 06/01/2010 cho anh Trần Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Quang T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị H. Bị đơn chị Hoàng Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Sầy, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 27243/QLXNC-P5 ngày 14/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị H đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 25/3/2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Hoàng Thị H được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với bà Trần Thị Đ là mẹ đẻ của chị H xác định bà vẫn thường liên hệ với chị H qua mạng xã hội, về địa chỉ của chị H ở Đài Loan thì chị H không cho bà biết nên bà không cung cấp cho Tòa án được. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Quang T và chị Hoàng Thị H đăng ký kết hôn ngày 18/6/2009 tại UBND xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị H. Xem xét đơn khởi kiện của anh T, HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc và vợ chồng anh đã có 01 con chung. Năm 2013, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, còn anh T vẫn làm việc tại Sơn Động để chăm con. Ban đầu, vợ chồng anh có liên lạc, có hỏi thăm nhau nhưng sau đó ngày càng ít liên lạc hơn. Hiện nay chị H vẫn ở Đài Loan. Đến nay vợ chồng anh đã xa nhau một thời gian dài, bất đồng quan điểm sống. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của anh T, xử cho anh Trần Quang T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

[4]. Về con chung: Anh Trần Quang T và chị Hoàng Thị H có 01 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 06/01/2010. Sau khi ly hôn anh T đề nghị được nuôi con chung. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị H không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể. Cháu H đang ở ổn định với anh T tại thôn Xuân Thủy, xã Quế Tân, huyện Q, tỉnh BN và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Quang H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 06/01/2010 cho anh Trần Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000862 ngày 13/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Trần Quang T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường